TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137** /2018/DS-ST
Ngày: 24-8-2018 .
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2. Ông Phan Văn Huynh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam T V(VPB FC);**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 9, Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Giang, sinh năm: 1972.

Ông Lô Bằng Giang ủy quyền cho ông Lê Hiền TH – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý – Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam T V(VPB FC) .

(Theo văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trung Kiên, sinh năm: 1991. (văn bản ủy quyền số 656/UQTT-QTRR.17 ngày 09/6/2017)

Nơi cư trú: E2/36B, đường Tân Túc, TT. Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: A3/16, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai , ông Trần Trung K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2015, bà Nguyễn Thị Thu H có ký hợp đồng tín dụng số 20150408-100257-0002 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, để vay số tiền là 14.907.598 (mười bốn triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm chín mươi tám) đồng với lãi xuất thỏa thuận 4.58%/tháng, với mục đích để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm cả gốc và lãi là 26.278.000 (hai sáu triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng; trong 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 974.000 (chín trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng, tháng cuối cùng trả 954.000 (chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 11/5/2015. Khi thực hiện hợp đồng, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vđã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu H nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và bà H đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vđược 03 lần với tổng số tiền là 3.222.000 (ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn) đồng, kể từ ngày 18/8/2015 bà Nguyễn Thị Thu H không thanh toán bất cứ khoản nào cho tới nay dù nguyên đơn đã nhắc nhở và yêu cầu thanh toán. Bà Nguyễn Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký.

Do đó bà Nguyễn Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vkhởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam T V(VPB FC) tổng số nợ là 23.013.424 (hai mươi ba triệu, mười ba ngàn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng (gồm khoản nợ đến hạn, khoản nợ gốc chưa tới hạn) theo hợp đồng tín dụng số 20150408-100257-0002 ngày 08/4/2015 và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị Thu H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vkhởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả số tiền đã vay là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tộ tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; đại diện nguyên đơn ông Trần Trung Kiên có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trần Trung Kiên và bà Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực. Tuy nhiên về nội dung không có khác biệt, nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1].Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

Tại thời điểm giao kết hợp đồng; Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sư năm 2015.

Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4.2].Xét "Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 20150408-100257-0002 ký ngày 08-4-2015 giữa Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vvới bà Nguyễn Thị Thu H, bảng kế hoạch trả nợ và lịch sử thanh toán thì có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu H đã được Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vchấp thuận cho vay và đã giải ngân cho vay số tiền 14.907.598 đồng (mười bốn triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm chín mươi tám) đồng với lãi suất 4,58%/tháng, thời hạn vay là 27 (hai mươi bảy) tháng. Theo thỏa thuận của hợp đồng trên thì bà Nguyễn Thị Thu H phải trả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 26.278.000 (hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng, 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 974.000 (chín trăm bảy mươi tư nghìn) đồng, tháng cuối cùng trả 954.000 (chín trăm năm mươi tư nghìn) đồng, kỳ thanh toán đầu tiên vào từ ngày 11-5-2015. Có căn cứ xác định việc các bên thỏa thuận là phù hợp pháp luật và tự nguyện nên phát sinh quyền và nghĩa vụ và các bên phải thực hiện đúng theo thỏa thuận.

[4.3]. Căn cứ bảng kê lịch sử thanh toán của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vthì: Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, bà Nguyễn Thị Thu H đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vđược 3 kỳ với tổng số tiền cả nợ gốc và lãi là 3.220.000 (ba triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

[4.4]. Do bà Nguyễn Thị Thu H vi phạm hợp đồng nên Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vyêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả số tiền bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 23.013.424 đồng (Trong đó bao gồm: Nợ gốc 13.994.807 đồng, nợ lãi 9.018.617 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bô luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 23.013.424 (hai mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng cho nguyên đơn.

[4.5]. Yêu cầu về lãi suất: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận thì ngân hàng có niêm yết công khai và báo cáo đến Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2018 ông Trần Trung Kiên là đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh cho đến khi xét xử. Ông yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.6]. Từ những nhận định [1], [2], [3] và [4] có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vsố tiền 23.013.424 (hai mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng, (Trong đó bao gồm: Nợ gốc 13.994.807 đồng, nợ lãi 9.018.617 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.7]. Bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, yêu cầu, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vđối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vsố tiền 23.013.424 (hai mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng, (Trong đó bao gồm: Nợ gốc 13.994.807 đồng, nợ lãi 9.018.617 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất phát sinh cho đến ngày xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi

thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.150.671 (một triệu một trăm năm mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T Vđược hoàn lại số tiền 575.336 (năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng mà Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T Vđã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0022266 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Chiến